

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG
Năm học 2025 – 2026

(thực hiện công khai theo Điều 8, Điều 9 - Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

STT	Nội dung thông tin	Thông tin của đơn vị	Ghi chú
1	Trường Trung học phổ thông Phước Vinh	Quyết định số 243/QĐ-UB ngày 25 tháng 1 năm 1997 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc chuyển các trường phổ thông trung học và các trung tâm giáo dục ở các huyện, thị - tỉnh Bình Dương	
2	Địa chỉ: Ấp 3, Xã Phú Giáo, Thành phố Hồ Chí Minh. Điện thoại: 02743672776 Email: thptphuocvinh.sgddt@hcm.edu.vn Cổng thông tin điện tử: https://thptphuocvinhbd.edu.vn		
3	Loại hình của cơ sở giáo dục: trường công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.		
4	- Sứ mạng: Xây dựng môi trường học tập và rèn luyện thân thiện, nề nếp, kỷ cương, chất lượng, nhân văn và đội ngũ đoàn kết, tâm huyết, trách nhiệm, có năng lực. Đào tạo thế hệ học sinh có trình độ, năng lực tư duy logic, sáng tạo, tăng cường sự tự tin và khả năng thích ứng.		

	- Tầm nhìn: Phát triển nhà trường theo hướng tiên tiến, hiện đại; là ngôi trường được học sinh lựa chọn để học tập phát huy phẩm chất và năng lực; cán bộ, giáo viên, nhân viên tự hào, gắn bó và cống hiến, đáp ứng sự kỳ vọng của nhà trường và xã hội. - Mục tiêu: Xây dựng trường theo hướng tiên tiến, hiện đại, có chất lượng cao. Đào tạo thế hệ học sinh có năng lực và phẩm chất tốt, làm người công dân có ích cho xã hội, có đầy đủ năng lực để thích ứng với đô thị thông minh và quá trình hội nhập quốc tế.		
5	Quá trình hình thành và phát triển của nhà trường: Trường Trung học phổ thông Phước Vĩnh được thành lập năm 1975. Tập thể CB – GV - NV trường luôn nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ từng năm học. Nhà trường triển khai cho tất cả CB – GV - NV ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, dạy học; đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy phẩm chất, năng lực người học; tăng cường đổi mới kiểm tra đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT, đa dạng các hình thức kiểm tra đánh giá. Quan tâm giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh thông qua các hoạt động Đoàn thanh niên.		
6	Thông tin người đại diện pháp luật: Họ và tên: Trần Đình Chỉ – chức vụ: Hiệu trưởng Địa chỉ nơi làm việc: Ấp 3, Xã Phú Giáo, Thành phố Hồ Chí Minh. Điện thoại: 028.62595757 Email: techerchi@gmail.com		
7	Tổ chức bộ máy: - Trường Trung học phổ thông Phước Vĩnh được thành lập theo Quyết định số 243/QĐ-UB ngày 25 tháng 1 năm 1997 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc chuyển các trường phổ thông trung học và các trung tâm giáo dục ở các huyện, thị - tỉnh Bình Dương; Quyết định số 355/QĐUBND về việc tiếp		

	nhận và chuyển đổi cơ quan quản lý của 41 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương thành đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh (mới). - Hội đồng trường được công nhận theo Quyết định số 574/QĐ-SGDĐT ngày 11 tháng 04 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Hội đồng trường Trường Trung học phổ thông Phước Vĩnh nhiệm kỳ 2025 - 2030 gồm 15 thành viên sau đây: .- Thông tin tập thể lãnh đạo đơn vị: 1. Trần Đình Chỉ - Hiệu trưởng. Email: techerchi@gmail.com 2. Nguyễn Ngọc Tân - Phó Hiệu trưởng Email: tanann2002phuocvinh@gmail.com 3. Nguyễn Thị Phượng - Phó Hiệu trưởng Email: nguyenphuong026@gmail.com		
8	Các văn bản khác của nhà trường gồm kế hoạch chiến lược; quy chế dân chủ; Nghị quyết Hội đồng trường; quy định quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; các kế hoạch triển khai thực hiện công tác giáo dục đều được công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường tại địa chỉ: https://thptphuocvinhbd.edu.vn		

II. Công khai theo Điều 8 – Điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục phổ thông

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên (file đính kèm)

2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	40	Số 2.7 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	40	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	14	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	40	54 m ² /43hs
7	Bình quân lớp/phòng học	36/40	-
8	Bình quân học sinh/lớp	43HS/lớp	2.7m ² /1hs
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	1	29009 m ²
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	5	12099 m ²
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	54	2853 m ²
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	14	1688 m ²
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	6	240 m ²
3	Diện tích thư viện (m ²)	1	280 m ²
4	Diện tích phòng giáo dục rèn luyện thể chất (m ²)	1	180 m ²
5	Diện tích phòng khác (...)(m ²)		2853 m ²
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	414	414 bộ/36lớp
1	Khối lớp 10	154 bộ	154/12
2	Khối lớp 11	106 bộ	106/12
3	Khối lớp 12	154 bộ	154/12
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	57 máy còn sử dụng được	Số học sinh/1bộ (36 lớp học + 3 phòng máy)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		
1	Ti vi	3 cái	
2	Cát xét	6 cái	
3	Đầu Video/đầu đĩa	02	
4	Máy chiếu + Bảng tương tác	40	
6	Hệ thống âm thanh lớp	40	
7	Hệ thống âm thanh sân trường	01	
X	Nhà bếp	0	
XI	Nhà ăn	0	
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	
XIII	Nhà vệ sinh	8 cái	Dùng cho giáo viên
		16	Dùng cho học sinh
XIV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Có nguồn nước máy của nhà máy.	
XV	Nguồn điện (lưới)	Lưới điện Phú giáo	
XVI	Kết nối internet (ADSL)	Đường truyền cáp quang gồm 02 line cho khu hành chính; 02 line cho hai dãy phòng học, 02 line cho phòng tin học và thư viện	
XVII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	https://thptphuocvinhbd.edu.vn	
XVIII	Tường rào xây	Có tường rào bao quanh khuôn viên trường	

3. Thông tin về đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục

- Nhà trường đang thực hiện công tác tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục (Lí do nhà trường chưa được đánh giá ngoài: Trường có viên chức bị kỷ luật, do đó chưa đủ điều kiện thực hiện đánh giá ngoài).

- Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài và xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ quản lý chất lượng để khắc phục các hạn chế chưa đạt.

- Trường được công nhận trường Chuẩn Quốc gia giai đoạn 2010 – 2015 và 2015 – 2020 (Theo Quyết định số 3366/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương).

III. Công khai theo Điều 9 – Kế hoạch và kết quả giáo dục phổ thông

1. Kế hoạch giáo dục (đính kèm)

2. Kết quả giáo dục thực tế năm học 2025 - 2026

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Ghi chú
I	Số học sinh chia theo rèn luyện	1534	513	528	493	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1498 97.65	493 96.10	521 98.67	484 98.17	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	35 2.28	20 3.90	6 1.14	9 1.83	
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	1 0.07	0	1 0.19	0	
II	Số học sinh chia theo học lực	1534	513	528	493	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	461 30.05	110 21.44	162 30.68	189 38.34	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	741 48.31	209 40.74	270 51.14	262 53.14	
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	313 21.58	193 37.62	96 18.18	42 8.52	

4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	1 0.07	1 0.19	0	0	
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1534	513	528	493	
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1532 99.9	512 99.8	528 99.8	493 100	
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	73 4.76	17 3.31	30 5.68	26 5.27	
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	387 25.23	93 18.13	132 25	162 32.86	
2	Kiểm tra lại (tỷ lệ so với tổng số)	1 0.07	1 0.19	0	0	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	21 1,37	5 0.97	10 1.9	6 1.21	
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
6	Rút hồ sơ/Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	7 0.46	4 0.78	3 0.57	0	
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	0	0	0	0	
2	Cấp tỉnh/thành phố	7	3	2	2	
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	493	0	0	493	
VI	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng					

	(tỷ lệ so với tổng số)					
VII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	659/875	234/279	223/305	202/291	
VIII	Số học sinh dân tộc thiểu số	47	14	16	17	

Nơi nhận:

- Phòng QLCL (báo cáo);
- Phòng Pháp chế (báo cáo)
- Toàn thể viên chức đơn vị;
- Toàn thể Cha mẹ học sinh;
- Công khai trên trang web trường;
- Lưu: VT (H1, 3, 4, 5, 7).

HIỆU TRƯỞNG**Trần Đình Chỉ**